



CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT Ý VIETNAM - ITALY STEEL JSC.

TRỤ SỞ CHÍNH

KCN Phố Nối A, Giai Phạm, Yên Mỹ, Hưng Yên
ĐT: (84-221) 3 942 427
Fax: (84-221) 3 942 226

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN

Tầng 9A, Tòa nhà Sông Đà,
18 Phạm Hùng, Nam Từ Liêm, Hà Nội
ĐT: (84-24) 6 2511 091
Fax: (84-24) 6 2511 090

CHI NHÁNH HẢI PHÒNG

KCN Đông Nam Cầu Kiền, Hoàng Động
Thủy Nguyên, Hải Phòng
ĐT: (84-225) 3 868 721
Fax: (84-225) 3 868 722
www.vis.com.vn

HEAD OFFICE

Pho Noi A Industrial Zone, Giai Pham, Yen My, Hung Yen
Tel: (84-221) 3 942 427
Fax: (84-221) 3 942 226

HANOI REPRESENTATIVE OFFICE

The 9A Floor, Song Da Tower,
18 Pham Hung Str., Nam Tu Liem, Hanoi
Tel: (84-24) 6 2511 091
Fax: (84-24) 6 2511 090

HAIPHONG BRANCH

Dong Nam Cau Kien Industrial Zone, Hoang Dong,
Thuy Nguyen, Hai Phong City
Tel: (84-225) 3 868 721
Fax: (84-225) 3 868 722
www.vis.com.vn



TẬP ĐOÀN THÉP KYOEI
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT Ý



THÉP VIỆT Ý

Lời giới thiệu

Công ty CP Thép Việt Ý được thành lập năm 2002 với Trụ sở chính đặt tại Hưng Yên và Văn phòng Đại diện tại Hà Nội. Năm 2017 Công ty CP Thép Việt Ý chính thức trở thành một thành viên của Tập đoàn Thép Kyoei - Tập đoàn thép hàng đầu Nhật Bản.

Công ty đã xây dựng, vận hành và quản lý thành công Nhà máy Thép Việt Ý và Nhà máy Phôi Thép Việt Ý có đủ năng lực cạnh tranh quốc gia và khu vực, đảm bảo cung cấp ra thị trường các sản phẩm thép xây dựng (Thép cuộn từ Ø6 mm ÷ Ø8 mm và thép thanh vằn đường kính từ D 10 mm ÷ D 40 mm);Thép công nghiệp (thép cuộn rút dây SAE và thép cuộn 30 MnSi) phù hợp với các tiêu chuẩn Việt Nam và quốc tế.

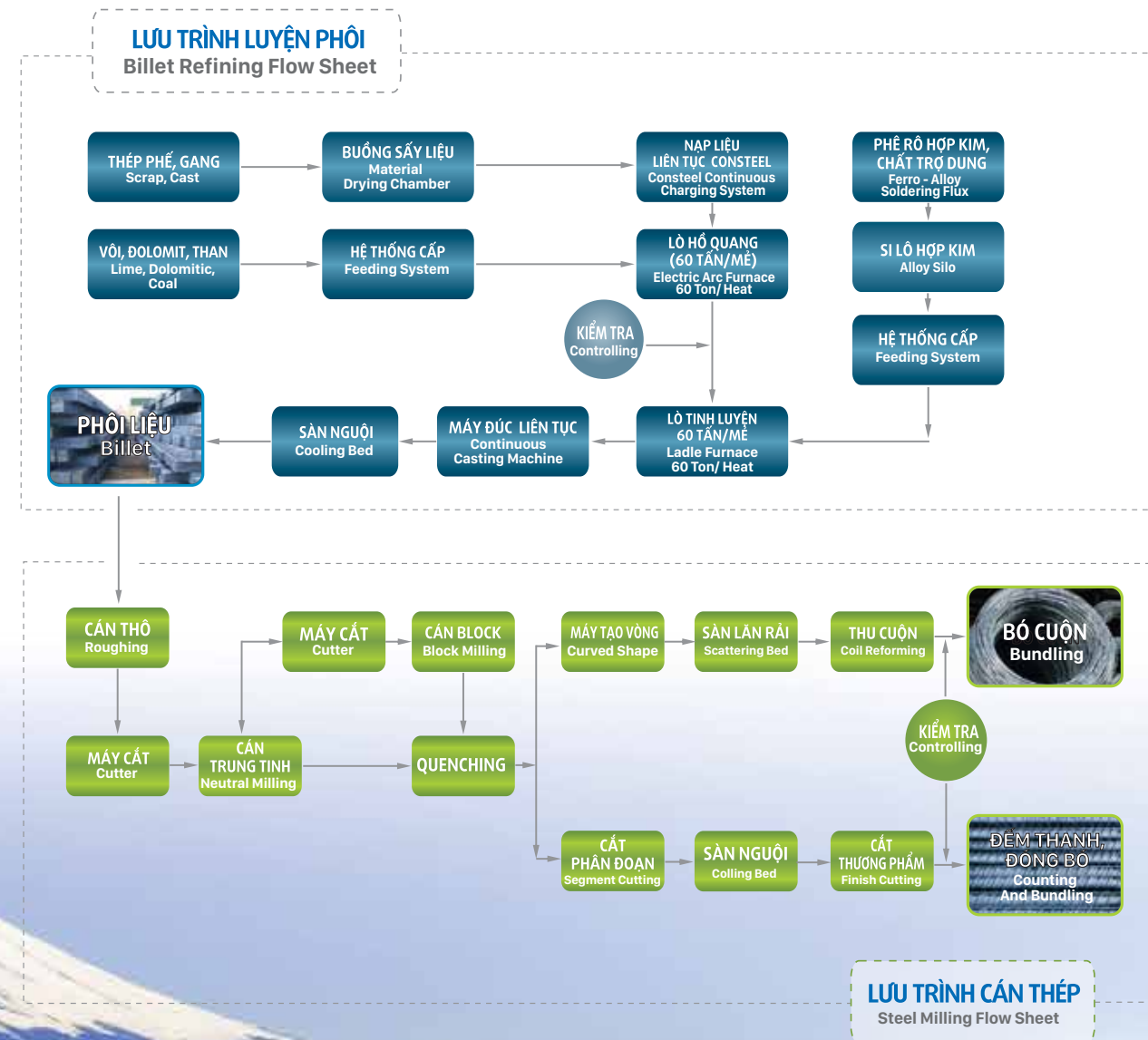
Với sự tín nhiệm và ủng hộ của các Đối tác, Khách hàng các sản phẩm THÉP VIỆT Ý đã vinh dự có mặt ở hầu hết các dự án trọng điểm quốc gia, từ các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông trong nước đến các công trình tại nước ngoài.

Với công nghệ sản xuất hiện đại và sử dụng các nguyên liệu tái chế, THÉP VIỆT Ý đã góp phần bảo vệ môi trường, không tàn phá nguồn tài nguyên thiên nhiên.

Với năng lực quản lý hiện đại và đội ngũ cán bộ công nhân viên chuyên nghiệp, tận tâm, làm chủ công nghệ và hệ thống dây chuyền thiết bị hiện đại Công ty CP Thép Việt Ý cam kết cung cấp ra thị trường những sản phẩm có chất lượng tốt nhất, dịch vụ như ý, giá cả cạnh tranh.

VIS

THÀNH VIÊN CỦA TẬP ĐOÀN THÉP KYOEI NHẬT BẢN
A Member of Kyoei Steel Group - Japan



Khách hàng tiêu biểu

Typical Customers



Cùng các nhà thầu, chủ đầu tư, nhà phân phối và các cửa hàng đại lý trên khắp cả nước.
And many contractors, investors, distributors, agents in Vietnam.

Introduction

Vietnam Italy Steel Joint Stock Company (VISCO) was established in 2002 with Head Office located in Hung Yen Province and Representative Office in Hanoi. In 2017, VISCO became a member of Kyoei Steel Group - a leading steel Group in Japan.

VISCO has built, operated and successfully managed Vietnam Italy Billet factory and Vietnam Italy Steel Factory to have competitiveness in Vietnam and regional market, to supply construction steel (wire rod from Ø6 mm ÷ Ø8 mm and debar from D10 mm÷ D40 mm); industrial steel (SAE wire rod and 30 MnSi wire rod) into the market conformed with Vietnamese and International standards.

With the trust and support of the partners and customers VIS steel has been honored to be present in almost national key projects: civil, industrial and domestic infrastructure projects as well as projects in abroad.

With modern technology and the use of recycled materials, VISCO contribute to environmental protection and not devastating natural resources.

Based on technology mastery, conscientious and professional executives, advanced management, VISCO aims at supplying steel products into the market with the best quality, satisfactory services, competitive price.

Nhà máy Phôi Thép Việt Ý

Nhà máy Phôi Thép Việt Ý được chuyển giao công nghệ Consteel - Công nghệ luyện thép bằng lò điện hồ quang nạp liệu liên tục ngang thân lò - hiện đại nhất thế giới hiện nay từ Tập đoàn TECHINT (Italy).

Nhà máy Phôi Thép Việt Ý có công suất 552.000 tấn/năm, thiết bị nhập khẩu đồng bộ 100%.

Công nghệ sản xuất thép bằng lò điện và sử dụng nguồn nguyên liệu tái chế đã góp phần bảo vệ môi trường, không tàn phá nguồn tài nguyên thiên nhiên.



CONSTEEL

CÔNG NGHỆ LUYỆN THÉP HÀNG ĐẦU THẾ GIỚI
The Leading Steel Refining Technology in The world



Vietnam Italy Billet Factory

Vietnam Italy Billet Factory has the advanced Consteel technology - refining technology by electric arc furnace and continuous charging system - transferred by TECHINT Corp (Italy).

Vietnam Italy Billet Factory has capacity of 552,000 ton/year, 100% imported equipment.

Electric arc furnace technology and the use of recycled materials contribute to environmental protection and not devastating natural resources.

Nhà máy Thép Việt Ý

Nhà máy Thép Việt Ý có công suất 350.000 tấn/năm, thiết bị nhập khẩu đồng bộ 100%, công nghệ Danieli Morgardshammar do tập đoàn thép hàng đầu thế giới Danieli - Italy cung cấp.



CÔNG NGHỆ HÀNG ĐẦU THẾ GIỚI
The Leading Technology in The World

Vietnam Italy Steel Factory

Vietnam Italy steel factory has capacity of 350,000 ton/year with 100% synchronous equipment and Danieli Morgardshammar technology imported from Danieli (Italy) - the World class leading steel corporation.

Sản phẩm Products

Phôi thép Việt Ý

- . Kích thước: 120 x 120/ 130 x 130/ 150 x 150mm
- . Chiều dài: L = 6m/ 12m
- . Bề mặt: Bóng, không rạn nứt, không có lỗ khí
- . Màu sắc: Có màu xanh đặc trưng
- . Tiết diện: Vuông đều
- . Tiêu chuẩn sản xuất: Có khả năng sản xuất sản phẩm đáp ứng các yêu cầu tiêu chuẩn: JIS (Nhật Bản), ASTM (Mỹ), BS (Anh), TCVN (Việt Nam), GB (Trung Quốc), rOct (Nga), HRB (Trung Quốc)...

Thép thanh vằn VIS

- . Kích cỡ: Từ D10 mm ÷ D40 mm
- . Chiều dài thanh thép: Từ 6m ÷ 14m
- . Trọng lượng bó thép: W ≈ 3 tấn
- . Bề mặt: Bóng, không rạn nứt, có dập nổi thương hiệu "VIS", mác thép, đường kính. Ví dụ: VIS CB5 d36
- . Màu sắc: Có màu xanh đặc trưng
- . Tiết diện: Tròn
- . Đơn trọng: Ổn định
- . Tiêu chuẩn: Có khả năng sản xuất sản phẩm đáp ứng các yêu cầu tiêu chuẩn: ASTM A615 / A615M (Mỹ), JIS G 3112: 2020 (Nhật Bản), TCVN 1651-2: 2018 (Việt Nam), BS 4449 : 2005 (Anh)

VIS Billet

- . Size: 120 x 120/ 130 x 130/ 150 x 150mm
- . Length: L = 6m/ 12m
- . Surface: Perfect looking, non-crack, non-bubble.
- . Color: Featured steel color
- . Cross – Section: Steady square
- . Standard: Ability to meet the standard requirement of JIS (Japan), ASTM (America), BS (Britain), TCVN (Vietnam), GB (China), rOct (Russia), HRB (China)...

VIS Rebar

- . Product size: From D10 mm ÷ D40 mm
- . Length: From 6m ÷ 14m
- . Weight of steel bundle: W ≈ 3 tons
- . Surface: Glossy, non crack, with embossed brand "VIS" and diameter of steel bar. Exp: VIS CB5 d36
- . Color: Featured steel color
- . Cross – Section: Circularity
- . Unit mass: Stability
- . Standard: Ability to meet the standard requirement of ASTM A615 / A615M (America), JIS G 3112: 2020 (Japan), TCVN 1651-2: 2018 (Vietnam), BS 4449 : 2005 (Britain)

Thép cuộn xây dựng VIS

- . Kích cỡ sản phẩm: Từ Ø6 mm ÷ Ø8 mm
- . Đường kính bó thép: D ≈ 1.2 m
- . Trọng lượng bó thép: W ≈ 2 tấn
- . Bề mặt: Bóng, không rạn nứt
- . Màu sắc: Có màu xanh đặc trưng
- . Tiết diện: Tiết diện rất tròn, độ oval nhỏ
- . Đơn trọng: Ổn định
- . Tiêu chuẩn sản xuất: Có khả năng sản xuất sản phẩm đáp ứng các yêu cầu tiêu chuẩn: TCVN 1651-1:2018/ JIS G3505

Thép cuộn rút dây SAE

- . Đường kính từ Ø5.5 mm ÷ Ø12 mm
- . Trọng lượng cuộn: W ≈ 2 tấn.
- . Tiêu chuẩn sản xuất: ASTM A510/A510M (SAE 1008, SAE 1012...)

Thép cuộn 30MnSi

- . Đường kính từ Ø6 mm ÷ Ø12 mm
- . Trọng lượng: W ≈ 2 tấn.
- . Tiêu chuẩn sản xuất: GB/T24587

VIS construction Wire Rod

- . Diameter: From Ø6 mm ÷ Ø8 mm
- . Bundle's diameter: D = 1.2 m
- . Weight: W ≈ 2 tons
- . Surface: Glossy, non - crack
- . Color: Feature steel color
- . Section: Circularity, min out of round
- . Unit mass: Stability
- . Standard: Ability to meet the standard requirement of TCVN 1651-1:2018/ JIS G3505

SAE Wire Rod

- . Diameter: From Ø5.5 mm ÷ Ø12 mm
- . Weight: W ≈ 2 tons/ Coil
- . Standard: ASTM A510/A510M (SAE 1008, SAE 1012...)

30MnSi Wire Rod

- . Diameter: From Ø6 mm ÷ Ø12 mm
- . Weight: W ≈ 2 tons/ Coil
- . Standard: GB/T24587

Dấu hiệu phân biệt sản phẩm

Product Identification

PHÔI THÉP / STEEL BILLET

Màu sơn/ Mác thép Color mark/ Grade



CT2, Q215, Q215A, Q235, SD295 (Nhóm II), SD390 (Nhóm II, III, IV)

Màu trắng/ White



SD295 (Nhóm I), SD390 (Nhóm I)

Màu vàng/ Yellow

THÉP CUỘN / WIRE ROD



CB240T

Logo

Thép cuộn tròn trơn/ Wire rod



CB300V

Logo

Mác thép Grade

Đường kính Diameter

Thép cuộn vằn/ Rebar Wire rod

THÉP THANH VẼN/ REBAR STEEL

Màu sơn/ Color mark

CB300 V, SD295A Xanh lá cây Green	CB400V Vàng Yellow	CB500V, SD390 Trắng White	CB600V, Gr75, B500B Xanh lam Blue	Gr40 Xanh cẩm thạch Marbled green	SD490, Gr60 Đỏ Red
--	--------------------------	------------------------------------	--	---	--------------------------

Mác thép/ Grade



Logo

Mác thép Grade

Đường kính Diameter

Quản lý chất lượng

Quality Management

Hệ thống quản lý chất lượng được áp dụng nghiêm ngặt trong tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, từ nguyên vật liệu đầu vào đến khâu giao hàng và đưa vào sử dụng theo các tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 9001, ISO 14001 và ISO/IEC 17025.

The quality management system is strictly applied in all production and business activities of the Company, from input materials to delivery and use process conformed to quality management standards: ISO 9001, ISO 14001 and ISO / IEC 17025.



Nguyên liệu đầu vào (thép phế): Được kiểm soát bởi các cơ quan giám định hàng đầu thế giới (SGS - Thụy Sĩ); (NKKK - Nhật Bản).



Input material (scrap) are inspected by the leading international inspection agencies (SGS - Swazeland); (NKKK - Japan).

Đội ngũ cán bộ kỹ thuật nhiệt tâm, giàu kinh nghiệm, làm chủ hoàn toàn công nghệ sản xuất.



Technicians are enthusiastic, experienced and masters of technology.

Phòng thử nghiệm: với trang thiết bị hiện đại, đạt chứng chỉ hợp chuẩn VILAS 114.



Testing laboratory: Modern equipments, Certification of Vilas 114.

Hệ thống cân và trạm cân kiểm soát đơn trọng trong miền tiêu chuẩn cho phép.

Scale

Scale online and scale station control unit mass within weight tolerance in the standard.

Hệ thống quản lý chất lượng tiêu chuẩn ISO 9001-2015.



Quality management system by ISO 9001-2015.

Cơ quan giám định độc lập: Viện KHCN Xây dựng (IBST); Viện KHCN Giao Thông vận tải (ITST), trường ĐHBK Hà Nội.



Our products used in major projects are inspected by Independent quality Control Organizations, such as Institute of Transport Science and Technology (ITST), Institute of Construction Science and Technology (IBST).

[illegible][illegible][illegible][illegible][illegible]

 **KAJANGMAN ENTERPRISES, LTD.**
Head Office: 111-1, Phnom Penh Street, Phnom Penh, Cambodia. Tel: 855 23 713 0234 Fax: 855 23 713 0235
Project Office: Tel: 855 93 11 1111 Fax: 855 93 11 1111 Email: info@kajangman.com Tel: 855 93 11 1111

Hanoi, 20th July 2013

RECOMMENDATION LETTER

To whom it may concern:

I have had the privilege of working with Vietnam Italy Steel JSC, for 10 year. I believe it is an honor to write a letter of recommendation for them.

I based my decision on facts: they are the long time good customer in manufacturing steel. I have seen from foreign Contractors on the other projects. We have found Vietnam Italy Steel JSC, to be very professional and strict adhering to the delivery schedules, registered standard and other promises.

I am very pleased with VSS quality and my customers are frequently commending the same.

Yours faithfully,



Mr. OUN HUN
PROJECT MANAGER

 **HYUNDAI EBC - GHELLA JV**
Hyundai Motor (Thailand) Public Co., Ltd. (Hyundai Motor Thailand, The First 30 Years), (Public, Thailand)
Tel. +66 26 2217 7801 Fax. +66 26 2217 7843 Website: www.hmdc.co.th
www.hmdc.co.th

(Date: 17th December 2012)

RECOMMENDATION LETTER

To whom it may concern,

I have had the privilege of working with Vietnam Italy Steel INC for years. I believe it is an honor to write a letter of recommendation for them.

I based my decision on facts. They are the long time good partners in manufacturing steel. We have found Vietnam Italy Steel INC., to be very professional and strict adhering to the delivery schedules, rigorous standards and other processes.

I am very pleased with VIB quality and my customers are frequently commending the same.

Yours faithfully,



Lee Young Kyung
Deputy Project Manager
HYUNDAI EBC - GHELLA JOINT VENTURE

4/1


VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ (VITP)
PHÒNG THÍ NGHIỆM TRỌNG ĐIỂM ĐƯỜNG BỘ
(Địa chỉ: 1352 - Đường Láng - Đống Đa - Hà Nội)
ĐT: 04. 37 553 686; Fax: 04. 37 588 030; Email: vnlab@viti.gov.vn

Hà Nội, ngày 07 tháng 7 năm 2012

ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM

Phòng thí nghiệm trọng điểm đường bộ là đơn vị thực hiện Việt Khoa học và Công nghệ Giao thông Vận tải, là đơn vị hàng đầu trong lĩnh vực: thí nghiệm và kiểm, kiểm định các công trình đường bộ, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, đào tạo, tư vấn... trong lĩnh vực xây dựng cầu - đường và đồ nội thất bộ cơ trình bộ... nhà kiến trúc và thiết kế trong lĩnh vực kiến trúc.

Phòng thí nghiệm trọng điểm đường bộ là đơn vị chỉ định và kiểm tra theo chuẩn Quốc tế ISO 9001:2008 và ISO/IEC 17025:2005 với 02 phòng thí nghiệm hợp chuẩn (VILAS 104 và LAS-401):

Phòng thí nghiệm của nhà sản xuất Cầu quan quản lý Nhà nước, Chủ đầu tư, Tư vấn giám sát và Nhà thầu. **Phòng thí nghiệm trọng điểm đường bộ** là đơn vị hành thí nghiệm, kiểm tra mẫu thử **Thép Việt** V được các mẫu công trình trong phạm vi cả nước như: cầu Thép Trĩ, cầu Vĩnh Tuy, cầu Bãi Cháy, cầu Xá - Hải Dương, đường cao tốc Cầu Giẽ-Ninh Bình, Bắc Ninh - Nội Bài, Lạng - Hòa Lai...

Các kết quả thí nghiệm của mẫu thử công trình của **Thép Việt** V được, mẫu mẫu của: cầu Thép và Thép của dự án (TCVN 9555-2:2006, JB-G3712 2012, ASTM A615...)

Chúng tôi nhận thấy **Thép Việt** V phù hợp để sử dụng cho các công trình xây dựng giao thông vận tải và xây dựng dân dụng, là lựa chọn tốt cho các Nhà thầu.

Kính thư!


CHỖ ĐÓNG
Nguyễn Văn Thập



VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG
Vietnam Institute for Building Science and Technology (VIBST)
Viện Khoa học Kỹ thuật Công trình xây dựng/Institute of Building Sciences (IBS)
Địa chỉ: 37 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội - Việt Nam. Điện thoại: 04.382.414.999

Hà Nội, ngày 23 tháng 7 năm 2012

Văn: Đình chỉ chất lượng của phòng

Phòng Thí nghiệm Hàn và Kim loại (LAS XDPT) - Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng - Bộ Xây dựng là Cơ quan kiểm nghiệm độc lập, đã thí nghiệm thí xây dựng cho các dự án xây dựng quốc gia quan trọng trong dân dụng và công nghiệp. Bằng sự tin và bệ dáp kính nghiệm trong lĩnh vực thí nghiệm kim loại, Chúng tôi hoàn tất cảnh công Nhà thờ "Tự viện" Cầu đũa tại trung và ngoài nước, đã học thêm và kiểm duyệt những sản phẩm đã tiêu chuẩn theo từng công trình.

Quá quá trình thí nghiệm thực tế, Chúng tôi xác nhận: Thí Nghiệm Y đã được sử dụng trong các nghiên cứu dự án lớn như Trung tâm Hội nghị Quốc gia, Keangnam Landmark Tower, Cầu Thanh Trì, Thí Nghiệm Sơn Lũ, Hội trường Hà Đông, Trụ sở Việt Nam, các tòa Nhà N - Nhà Nguyễn, Nhà máy Xưởng Nghi Sơn...

Với sự tin cậy thí nghiệm và đánh giá chất lượng theo các tiêu chuẩn kỹ hợp với các yêu cầu kỹ thuật của từng công trình (HB-G0112-2010, PCVN 4285-1997, TCVN 1653-1983, TCVN 2451-2:2008, ASTM A415 / A415A - 08, BS 4449-1997), thì Thí Nghiệm Y đã đưa vào tiêu chuẩn kỹ thuật, để đánh giá. Các đặc tính kỹ thuật của thí nghiệm và đánh giá Thí Nghiệm Y trong các tài liệu của trung tâm như: nhà cao tầng, các công trình giao thông, xây dựng công nghiệp và dân dụng.

Kính gửi:

TP Hàn và Kim loại


Trần Văn Thọ
Trưởng Ban Kỹ Thuật

Chứng nhận Certificate

Các sản phẩm Thép Việt Ý được sản xuất và cấp chứng nhận phù hợp với các tiêu chuẩn Việt Nam và Quốc tế.

Vietnam Italy Steel products are manufactured and certified in conformity with Vietnamese and International standards.



THÉP VIỆT Ý

Tự hào đã và đang có mặt tại hầu hết các công trình trọng điểm cấp Quốc gia



Proud to have been at most National key projects

Thành phần hóa và cơ lý tính

Chemical and Physical Specification



TIÊU CHUẨN STANDARD	MÁC THÉP GRADE	THÀNH PHẦN HÓA HỌC (%) CHEMICAL COMPOSITION								CƠ TÍNH PHYSICAL SPECIFICATION		ĐẶC TÍNH UỐN BENDING PROPERTIES		LOẠI THÉP ÁP DỤNG PRODUCT RANGE
		C	Mn	Si	P	S	N	Carbon Equivalen	Giới hạn chảy Yield Point (Re) (N/mm)	Giới hạn bền Tensile Strength (Rm) N/mm	Độ giãn dài Elongation (%)	Góc uốn Angle of Bending (°)	Đường kính lưỡi uốn Radius of Bending (mm)	
TCVN 1651 - 2:2018 (Việt Nam\Vietnam)	CB 300 - V	-	-	-	0.05 MAX	0.05 MAX	-	-	300 min.	450 min.	16 min.	160 ⁰ - 180 ⁰	3D với D ≤ 16 6D với 16< D ≤32 7D với 32< D ≤50	THÉP THANH VẼN DEFORMED BAR
	CB 400 - V	0.29 MAX	1.80 MAX	0.55 MAX	0.04 MAX	0.04 MAX	-	0.56 MAX	400 min.	570 min.	14 min.	160 ⁰ - 180 ⁰	4D với D ≤ 16 6D với 16< D ≤32 7D với 32< D ≤50	
	CB 500 - V	0.32 MAX	1.80 MAX	0.55 MAX	0.04 MAX	0.04 MAX	-	0.61 MAX	500 min.	650 min.	14 min.	160 ⁰ - 180 ⁰	5D với D ≤16 6D với 16< D ≤32 7D với 32< D ≤50	
	CB 600 - V	-	-	-	0.04 MAX	0.04 MAX	-	0.63 MAX	600 min.	710 min.	10 min.	90 ⁰	6D với D ≤ 32 7D với 32 < D ≤ 50	
ASTM A615 A615M-20 (Hoa Kỳ\ America)	Grade 40	-	-	-	0.060 MAX	-	-	-	280 min.	420 min.	D10 D13, 16, 19 : 11 min. : 12 min.	180 ⁰	D10, 13, 16 : 3.5D D19: 5D	THÉP THANH VẼN DEFORMED BAR
	Grade 60	-	-	-	0.060 MAX	-	-	-	420 min.	550 min.	D10, 13, 16, 19 : 9 min. D22, D25 : 8 min. D29, D32, D36 : 7 min.	180 ⁰	D10, 13, 16 : 3.5D D19, 22, 25 : 5D D29, 32, 36 : 7D	
JIS G3112:2020 (Nhật Bản\ Japan)	SR 235	-	-	-	0.050MAX	0.050MAX	-	-	235 min.	380 - 520	20 min. với D < 25 22 min. với D ≥ 25	180 ⁰	3D	THÉP TRÒN TRƠN ROUND BAR
	SR 295	-	-	-	0.050MAX	0.050MAX	-	-	295 min.	440 - 600	18 min. với D < 25 19 min. với D ≥ 25	180 ⁰	3D với D ≤ 16 4D với D >16	
	SD 295	0.27 MAX	1.50 MAX	0.55 MAX	0.050MAX	0.050MAX	-	-	295 min.	440 - 600	16 min. với D < 25 17 min. với D ≥ 25	180 ⁰	3D với D ≤ 16 4D với D >16	THÉP THANH VẼN DEFORMED BAR
	SD 345	0.27 MAX	1.60 MAX	0.55 MAX	0.040MAX	0.040MAX	-	0.50 MAX	345 - 440	490 min.	18 min. với D < 25 19 min. với D ≥ 25	180 ⁰	3D với D ≤ 16 4D với 16< D < 41 5D với D = 51	
	SD 390	0.29 MAX	1.80 MAX	0.55 MAX	0.040MAX	0.040MAX	-	0.55 MAX	390 - 510	560 min.	16 min. với D < 25 17 min. với D ≥ 25	180 ⁰	5D	
	SD 490	0.32 MAX	1.80 MAX	0.55 MAX	0.040MAX	0.040MAX	-	0.60 MAX	490 - 625	620 min.	12 min. với D < 25 13 min. với D ≥ 25	90 ⁰	4D	
BS 4449 - 2005 (Anh Quốc\ Britain)	B 500B	0.25 MAX	-	-	0.050 MAX	0.050 MAX	0.012 MAX	0.50 MAX	460 min.	(Rm/Re) min. ≈1.08	5 min.	90° uốn đi 20° uốn lại	5D với D ≤ 16 7D với D >16	THÉP THANH VẼN DEFORMED BAR

THÉP VIỆT Ý

Thấu hiểu và đáp ứng
Mọi nhu cầu của khách hàng

Understanding and satisfying
All customers' demands

Đơn trọng thép thanh vằn Rebar Weight Tolerance

TIÊU CHUẨN STANDARD	ĐƯỜNG KÍNH DIAMETER (mm)	TIẾT DIỆN NGANG NOMINAL SECTIONAL AREA (mm ²)	ĐƠN TRỌNG UNIT MASS (Kg/m)	DUNG SAI ĐƠN TRỌNG UNIT MASS TOLERANCE (%)
TCVN 1651 - 2:2018	D10	78.5	0.617	±6
	D12	113	0.888	
	D14	154	1.21	
	D16	201	1.58	±5
	D18	255	2.00	
	D20	314	2.47	
	D22	380	2.98	
	D25	491	3.85	±4
	D28	616	4.83	
	D32	804	6.31	
	D36	1018	7.99	
	D40	1257	9.86	
	D50	1964	15.42	
ASTM A615 / A615M - 20	D10	71	0.560	±6
	D13	129	0.994	
	D16	199	1.552	
	D19	284	2.235	
	D22	387	3.042	
	D25	510	3.973	
	D29	645	5.060	
	D32	819	6.404	
JIS G3112 : 2020	D36	1006	7.907	±6
	D10	71.33	0.560	
	D13	126.70	0.995	
	D16	198.60	1.56	±5
	D19	286.50	2.25	
	D22	387.10	3.04	
	D25	506.70	3.98	
	D29	642.40	5.04	±4
	D32	794.20	6.23	
	D35	956.60	7.51	

Đơn trọng thép cuộn Wire Rod Weight Tolerance

TIÊU CHUẨN STANDARD	MÁC THÉP GRADE	ĐƯỜNG KÍNH DIAMETER (mm)	DUNG SAI ĐƯỜNG KÍNH DEAMETER TOLERANCE (mm)	ĐỘ OVAL OUT OF ROUND (mm)
TVCN 1651-1:2018	CB240T	Φ6,Φ8	±0.5	0.7 max
ASTM A510/A510M	SAE 1008 SAE 1012 SAE 1022	Φ5.5 ÷ Φ12	±0.4	0.6 max
GB/T24587	30MnSi	Φ 6 ÷ Φ12	±0.4	0.6 max